TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/DS-PT
Ngày: 12 - 01 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 337/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh 5, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Hoàng P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Ngô Thanh T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 20, Nguyễn B, L, thành phố C, tỉnh Cà Mau *(Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020)* (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 97, đường H, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người làm chứng: Anh Hồ Vũ P, sinh năm 1980 (Xin vắng).

Địa chỉ: Số 450, đường N, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị B – Nguyên đơn và ông Nguyễn Văn K – Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo ông Lê Trí T đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 09/9/2019, ông T có hỏi mượn bà B 200.000.000đ để lo việc gia đình, bà B đồng ý cho mượn. Ông T có làm giấy mượn tiền và cam kết trả lại vào ngày 20/11/2019 nhưng ông T không thực hiện. Mặc dù, bà B đã yêu cầu ông T trả tiền nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy, bà B yêu cầu ông T trả số tiền 226.560.000đ. Trong đó, nợ vốn 200.000.000đ, nợ lãi tính từ tháng 9/2019 đến 5/2020 là 08 tháng x 1,66% x 200.000.000 đ là 26.560.000đ.

Tại phiên tòa ngày 29/9/2020 đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi.

** Theo ông Ngô Thanh T là bị đơn trình bày:*

Ông và bà B hoàn toàn không quen biết. Ông không có hỏi vay và nhận tiền từ bà B. Nguyên nhân là do trước đây ông có vụ án tranh chấp đất nên ông cần tiền để nhờ người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn K cho ông mượn tiền, sau một tuần ông K yêu cầu ông thanh toán lại nhưng ông không có tiền trả. Vì vậy, ông K nói sẽ vay tiền của bà B giúp ông để ông trả cho ông K. Do cần người đại diện tại tòa nên ông đồng ý mượn tiền. Sau đó, ông và ông K có đến Tòa án cấp cao nộp đơn. Khoảng 03 tháng ông không có tiền trả lại cho ông K nên, ông K yêu cầu ông phải viết biên nhận nợ cộng vốn và lãi là 200.000.000đ biên nhận nợ giữa bà B và ông là theo sự hướng dẫn của ông K nên, ông đã ký vào biên nhận ngày 09/09/2019 nhưng thực tế không có nhận tiền như bà B yêu cầu. Ông thừa nhận 30.000.000 đồng là nhận từ ông K, còn 170.000.000 đồng là giao dịch ủy quyền với ông K.

** Theo Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ông có tham gia vụ kiện do ông Ngô Thanh T ủy quyền, do ông T cần tiền nên có nhờ ông hỏi mượn để đóng tiền thi hành án, nên ông có đứng ra giới thiệu bà B để ông T vay số tiền 200.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không liên quan gì trong vụ án nên tại cấp sơ thẩm ông xin từ chối hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt ông.

** Theo Người làm chứng là anh Hồ Vũ P trình bày:*

Do anh làm cùng phòng với ông Nguyễn Văn K, nên khi giao dịch tiền giữa ông K và ông T anh có chứng kiến việc đưa tiền từ bà B đưa cho ông K số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này do bà B đưa cho ông K và ông K đưa lại cho ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh P thay đổi, anh xác định có việc chứng kiến ông T nhận số tiền 30.000.000 đồng từ ông K, số tiền 170.000.000 đồng anh không

chứng kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:176/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Áp dụng các Điều 466; 468; 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ: Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông

Ngô Thanh T trả số tiền vốn và lãi bằng 226.560.000 đồng *(Trong đó vốn 200.000.000 đồng và lãi là 26.560.000 đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/10/2020, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo cùng yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B, tuyên buộc ông Ngô Thanh T trả cho bà B số tiền vốn và lãi bằng 226.560.000 đồng (Trong đó vốn 200.000.000 đồng, lãi 26.560.000 đồng).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bà B trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bà có gặp ông T vài lần nhưng không quen thân, việc cho T vay tiền là do ông K giới thiệu, số tiền 200.000.000 đồng bà giao trực tiếp cho ông K, bà nhận biên nhận cũng từ ông K giao. Lý do yêu cầu ông T trả tiền là vì ông T vay tiền.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Yêu cầu chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì ông T vay tiền và viết giấy nhận nợ.

Đại diện bị đơn trình bày: Yêu cầu bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm. Ông T không biết bà B, ông T không nhận 200.000.000 đồng từ bà B hay ông K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông K trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, buộc ông T trả nợ 200.000.000 đồng cho bà B; không được sử dụng nội dung ghi âm làm chứng cứ vì bị đơn ghi âm khi chưa được sự đồng ý của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà B và ông K; giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn Nguyễn Thị B sinh năm 1972; địa chỉ Ấp Kinh 5, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tại các văn bản như: Giấy chứng nhận đủ

điều kiện buôn bán thuốc thú y; Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón và Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật thể hiện Tên cơ sở Ngọc B, chủ cơ sở Nguyễn Thị B; giấy nhận nợ thể hiện Nguyễn Ngọc B. Nguyên đơn, bà B xác nhận Nguyễn Thị B và Ngọc B là một người.

[2] Bản án dân sự sơ thẩm số:176/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định: Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông Ngô Thanh T trả số tiền vốn và lãi bằng 226.560.000 đồng. Bà B và ông Nguyễn Văn K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của bà B.

[3] Kháng cáo của bà B và ông K cùng nội dung, nên xem xét kháng cáo của bà B, ông K

Bà B yêu cầu ông T thanh toán tiền vay vốn 200.000.000 đồng và lãi 26.560.000 đồng. Ông T không đồng ý vì cho rằng không có giao dịch với bà B và cũng không nhận tiền từ bà B hay ông K.

Theo như ông T trình bày,*"Giấy mượn tiền"có nội dung: tôi Ngô Thanh T có mượn của bà Nguyễn Ngọc B trước sau số tiền 200.000.000 đồng,* giấy này do ông T viết và ký tên nhưng ông K đọc nội dung cho ông T viết. Sở dĩ có "Giấy mượn tiền" là vì: Trước đây ông K tham gia bảo vệ quyền lợi cho ông T trong vụ án dân sự, cấp phúc thẩm xét xử ông T thua kiện nên ông K hứa sẽ gửi đơn đến cấp giám đốc thẩm để có quyết định hủy án phúc thẩm với chi phí 120.000.000 đồng, sau đó tăng lên 150.000.000 đồng cộng tiền lãi nên 170.000.000 đồng và trước đó ông T mượn ông K 30.000.000 đồng để đóng án phí. Do trong lúc nhờ cậy và ông T tin rằng ông K sẽ thực hiện được nên mới ký giấy nợ chứ thực chất ông T không nhận tiền 170.000.000 đồng từ ông K hay bà B và cho đến nay ông K không thực hiện lời hứa với ông T là có quyết định của Tòa cấp cao hủy án phúc thẩm.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông T có nộp nội dung cuộc gọi giữa ông T và ông P (người làm chung Văn phòng với ông K), có thể hiện là ông P không nhìn thấy ông T nhận 170.000.000đ và tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 173) ông P trình bày *"Trong biên nhận ghi vậy nhưng tôi chỉ chứng kiến ông K đưa cho ông T 30.000.000 đồng*".

Ông T khai giữa ông và bà B không quen biết nhau cho nên ông không thể hỏi vay bà B số tiền lớn. Sự việc bà B không quen biết ông T được bà B thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 179) và tại phiên tòa phúc thẩm bà B cũng xác nhận không quen thân ông T.

"Giấy mượn tiền" do ông K đọc nội dung cho ông T viết được ông K, ông P và ông T xác nhận.

Với những chứng cứ phía bị đơn cung cấp và các tài liệu khác thể hiện, bà B và ông T không quen thân nhau, bà B giao tiền 200.000.000 đồng cho ông K, biên nhận tiền do ông K giao cho bà B. Như vậy, mọi giao dịch liên quan đến khoản vay 200.000.000 đồng thì giữa bà B và ông T không hề gặp nhau mà do ông K giới thiệu (bà B trình bày tại phiên tòa phúc thẩm), vậy ông K có đưa tiền cho ông T

hay không bà B không biết được, phía bà B không chứng minh được ông T nhận 200.000.000 đồng vay từ khoản tiền mà bà đưa cho ông K, mà mọi giao dịch thông qua ông K như bà B giao tiền cho ông K, biên nhận cũng do ông K giao lại cho bà B, không có chứng cứ nào chứng minh bà B trực tiếp xác lập giao dịch vay tài sản với ông T. Trong vụ án này, bà B chỉ yêu cầu ông T thanh toán nợ chứ không yêu cầu người khác trả. Vì vậy, án sơ thẩm nhận định và quyết định giao dịch vay tài sản giữa bà B với ông T không có xảy ra, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà B và ông K.

[4] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà B và ông K; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 176/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

[5] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không được chấp nhận với những căn cứ như nhận định trên.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn K; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:176/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông Ngô Thanh T trả số tiền vốn và lãi bằng 226.560.000 đồng *(trong đó vốn 200.000.000 đồng và lãi là 26.560.000 đồng).*

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị B phải chịu 11.328.000 đồng. Ngày 28/5/2020 đã dự nộp số tiền 5.664.000 đồng, tại lai thu số 0001904, còn phải tiếp tục nộp 5.664.000 đồng *(chưa nộp)*.

Bị đơn không phải nộp án phí.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm bà B và ông K mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15/10/2020 Nguyễn Thị B nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai số 0000030 và ngày 16/10/2020 ông Nguyễn Văn K nộp tạm ứng

án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai số 0000034 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền